

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VÕ NHAİ  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2025

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly

hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Huyền và ông Nguyễn Thành Nhật.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Đào Thị H**, sinh năm 1984

*Bị đơn:* **Anh Hoàng Văn K**, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: xóm Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hoàng Văn K kết hôn năm 2004, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên uống rượu say về chửi mắng, đánh đập chị H, chị H đã nhiều lần tha thứ nhưng anh K vẫn càng ngày càng bạo lực dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nữa. Từ khi làm đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án chị H đã chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vì sợ bị anh K bạo lực. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị H xác định quá trình vợ chồng chung sống có 03 con chung là Hoàng Thị P sinh ngày 17/02/2005, Hoàng Thị Vi sinh ngày

25/12/2006 và Hoàng Trung N sinh ngày 18/11/2015, hiện cháu P và cháu V đã đủ 18 tuổi, đã lấy chồng ở Bắc Kạn, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ly hôn chị H có nguyện vọng nhận nuôi cháu Hoàng Trung N; Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng có một số tài sản chung, tuy nhiên vợ chồng tự thỏa thuận; vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bị đơn anh Hoàng Văn K trình bày:**

Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản làm việc anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Hoa đăng K1 kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 30/4/2022 thì xảy ra mâu thuẫn do chị H bỏ đi đâu không biết, thỉnh thoảng mới về nhà xong lại đi. Anh K không đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị P sinh ngày 17/02/2005, Hoàng Thị Vi sinh ngày 25/12/2006 và Hoàng Trung N sinh ngày 18/11/2015, hiện cháu P và cháu V đã đủ 18 tuổi, đã lấy chồng ở Bắc Kạn; cháu Hoàng Trung N đang ở cùng chị H tại nhà ông bà ngoại. Nếu ly hôn anh K có nguyện vọng nuôi cháu N và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.800.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K cũng xác định vợ chồng có một số tài sản chung, tuy nhiên vợ chồng tự thỏa thuận; vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Nguyên đơn xác định giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến: về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị H. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đào Thị H ly hôn anh Hoàng Văn K; về con chung: giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Hoàng Trung N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; về

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết do không có yêu cầu; cháu Hoàng Thị P và cháu Hoàng Thị V đã đủ 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn K. Bị đơn Hoàng Văn K có nơi cư trú tại xóm Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về sự vắng mặt của bị đơn: phiên tòa được mở lần đầu, Bị đơn đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ và có đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** xét nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Qua lời khai của các đương sự thấy:

Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do Bị đơn thường xuyên uống rượu say về đánh đập, có hành vi bạo lực với Nguyên đơn, Nguyên đơn đã nhiều lần tha thứ nhưng Bị đơn không thay đổi. Hiện Nguyên đơn và Bị đơn đã không còn chung sống cùng nhau.

Bị đơn cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do không biết Nguyên đơn đi làm ở đâu, không thường xuyên có mặt ở gia đình. Bị đơn không nhất trí ly hôn.

Như vậy, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do 02 bên trình bày là khác nhau nhưng thực tế có sự mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn; cả 02 đã không còn chung sống, không có sự quan tâm chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cần chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn của Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**[2.2]. Về con chung:** Nguyên đơn và Bị đơn cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị P sinh ngày 17/02/2005, Hoàng Thị Vi sinh ngày 25/12/2006 và Hoàng Trung N sinh ngày 18/11/2015, hiện cháu P và cháu V đã đủ 18 tuổi, đã lấy chồng và sinh sống ở tỉnh Bắc Kạn, không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu Hoàng Trung N đang ở cùng Nguyên đơn tại nhà ông bà ngoại. Ly hôn Nguyên đơn và Bị đơn đều có nguyện vọng nhận nuôi cháu N; cháu N có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét nguyện vọng nhận nuôi con của cả hai bên là chính đáng, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu N, mặt khác Bị đơn có nguyện vọng nhận nuôi con nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên giao cháu Hoàng Trung N cho Nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cháu P và cháu V đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không đề nghị Bị đơn cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung:** Nguyên đơn, Bị đơn cùng xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận; vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[4]** Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai về áp dụng pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Đào Thị H ly hôn anh Hoàng Văn K.

**2. Về con chung:** Cháu Hoàng Thị P và cháu Hoàng Thị V đã đủ 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Giao cho chị Đào Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung cháu Hoàng Trung N sinh ngày 18/11/2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

**Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung và công nợ chung:** không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Đào Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006723 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**5. Quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Phương Giao, Võ Nhai, TN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Huyền**





